

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 211/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 28/11/2024
V/v “Tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Giang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Huỳnh Văn Hoàn.

2/ Ông Đinh Văn Tùng.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Chí Đạt - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 28 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 494/2024/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2024 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 174/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 156/2024/QĐST-HNGĐ ngày 25/11/2024, giữa các đương sự:

1/ *Nguyên đơn:* Ông Võ Văn C, sinh năm 1977 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp C, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2/ *Bị đơn:* Bà Trần Thị L, sinh năm 1977 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp C, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Võ Văn C trình bày:

Tôi và chị Trần Thị L quen biết nhau, tìm hiểu khoảng một năm rưỡi và được gia đình hai bên đồng ý cho tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang vào ngày 27/3/2000. Sau khi kết hôn chúng tôi sinh sống

cùng với gia đình tôi. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc nhưng đến khoảng đầu năm 2021 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng tính tình không hợp nhau nên thường tranh cãi, bất đồng quan điểm và cách nhìn nhận cuộc sống không phù hợp. Ngoài ra vợ chồng tôi còn xảy ra mâu thuẫn liên quan đến kinh tế gia đình, vợ tôi làm công nhân nhưng không đóng góp tiền phụ lo cho gia đình mà bỏ cho mình tôi trang trải. Khi xảy ra mâu thuẫn làm cho vợ chồng tôi thường xuyên cãi nhau, đời sống vợ chồng không hạnh phúc. Hội phụ nữ xã có động viên hai bên hòa giải để chúng tôi tiếp tục sống chung nhưng không có kết quả. Từ năm 2021 đến nay mặc dù còn sống chung nhà nhưng ăn riêng, không nói chuyện và không còn quan tâm đến nhau. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên tôi yêu cầu ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung tên Võ Hữu N, sinh ngày 26/11/2000 và Võ Thị Xuân M, sinh ngày 27/3/2005. Hiện tại cả 02 con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại biên bản hòa giải ngày 05/11/2024 bị đơn bà Trần Thị L trình bày:*

Tôi thống nhất theo lời trình bày của ông C về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Nay tôi có ý kiến như sau: Mặc dù không còn tình cảm với ông C nhưng tôi không đồng ý ly hôn với ông C do vợ chồng có nhiều vấn đề về cá nhân chưa được giải quyết.

Tại phiên tòa ông C giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện, yêu cầu được ly hôn với bà L. Bà L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Theo đơn khởi kiện, ông C yêu cầu được ly hôn với bà L nên Tòa án xác định quan hệ pháp luật là “*Tranh chấp ly hôn*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn bà L có nơi cư trú tại xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, ông C và bà L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 27/3/2000 nên quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Ông C trình bày mâu thuẫn vợ chồng ông bắt đầu phát sinh vào đầu năm 2021. Nguyên nhân do vợ chồng tính tình không hợp nhau nên thường tranh cãi, bất đồng quan điểm và cách nhìn nhận cuộc sống không phù hợp. Mâu thuẫn liên quan đến kinh tế gia đình, bà L không đóng góp tiền phụ lo cho gia đình mà bỏ cho ông C tự trang trải. Khi xảy ra mâu thuẫn làm cho vợ chồng ông thường xuyên cãi nhau, đời sống vợ chồng không hạnh phúc. Hội phụ nữ xã có động viên hai bên hòa giải để sống chung nhưng không có kết quả. Từ năm 2021 đến nay mặc dù còn sống chung nhà nhưng ăn riêng, không nói chuyện và không còn quan tâm đến nhau.

Bà L trình bày không đồng ý ly hôn với ông C vì có lý do cá nhân mặc dù bà cũng không còn tình cảm với ông C. Mặc khác, Tòa án đã triệu tập bà L đến Tòa án nhiều lần để hòa giải và tham dự phiên tòa nhưng bà L chỉ đến tòa một lần dự phiên hòa giải đều đó chứng tỏ bà L cũng không còn tha thiết với đời sống vợ chồng, không thật sự mong muốn tìm kiếm giải pháp hòa giải để vợ chồng đoàn tụ, tiếp tục chung sống với nhau.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa ông C và bà L đã phát sinh trong thời gian dài. Mặc dù hiện nay ông C và bà L vẫn còn sống chung nhà nhưng ông bà không còn quan tâm nhau. Cả ông C và bà L đều thừa nhận vợ chồng không còn tình cảm với nhau.

Theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình thì “vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình” nhưng ông C và bà L không còn quan tâm, giúp đỡ nhau nhằm xây dựng cuộc sống gia đình, không cùng nhau chăm lo xây dựng hạnh phúc gia đình là vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng nên mâu thuẫn gia đình giữa ông C và bà L đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó yêu cầu ly hôn của ông C là có cơ sở, phù hợp quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông C.

[3] Về con chung: Trong quá trình sống chung ông C và bà L có 02 con chung tên Võ Hữu N, sinh ngày 26/11/2000 và Võ Thị Xuân M, sinh ngày 27/3/2005. Hiện tại cả 02 con chung đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết vấn đề con chung.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Ông C và bà L không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Ông C phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn C.

Về quan hệ hôn nhân: Ông Võ Văn C được ly hôn với bà Trần Thị L.

2. Về án phí: Ông C phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí ông C đã nộp theo biên lai thu số 0016966 ngày 15/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang nên ông C đã thi hành xong án phí.

3. Về quyền kháng cáo và nội dung khác: Ông C có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;

- Chi cục THADS huyện Cai Lậy;
- UBND xã Phú Nhuận, huyện Cai Lậy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Giang